

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2019/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 13 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định cụ thể một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí xã
nông thôn mới, giai đoạn 2019-2020 trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về
phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (tại Tờ
trình số 26/TTr-SNN-VPĐP ngày 23/01/2019) để triển khai thực hiện Quyết định số
1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí
quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định cụ thể một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2019-2020 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 25 tháng 02 năm 2019 và thay thế Quyết định số 58/2015/QĐ-UBND ngày 27/11/2015 của UBND tỉnh về hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Hữu Thế

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Cụ thể một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới
giai đoạn 2019-2020 trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 02 năm 2019 của UBND tỉnh Phú Yên)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định cụ thể một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2019-2020 phù hợp với nhóm xã, điều kiện thực tế, nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2019-2020 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ MỘT SỐ TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU THUỘC BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2019-2020 TỈNH PHÚ YÊN

Điều 3. Tiêu chí Giao thông (tiêu chí số 2)

1. Nội dung đánh giá đạt tiêu chí Giao thông

a) Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm

Nhóm các xã thuộc khu vực III vùng miền núi theo Quyết định 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020 và các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/1/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020 (gọi tắt là khu vực III và xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển): Đạt tỷ lệ tối thiểu 80%.

Nhóm các xã còn lại: Đạt tỷ lệ 100%.

b) Đường trục thôn và đường liên thôn ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.

Nhóm xã khu vực III và xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển: Đạt tỷ lệ tối thiểu 50% trở lên.

Nhóm các xã còn lại: Đạt tỷ lệ tối thiểu 70% trở lên.

c) Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa.

Nhóm xã khu vực III và xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển: Đạt tỷ lệ cứng hoá tối thiểu 50%.

Nhóm các xã còn lại: Đạt tỷ lệ cứng hoá tối thiểu 70%.

d) Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm

Nhóm xã khu vực III và xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển: Đạt tỷ lệ cứng hoá tối thiểu 50%.

Nhóm các xã còn lại: Đạt tỷ lệ cứng hoá tối thiểu 70%.

2. Điều kiện đánh giá đạt chuẩn tiêu chí

Xã đạt chuẩn Tiêu chí Giao thông phải đạt 4 chỉ tiêu trong tiêu chí.

Điều 4. Tiêu chí Thủy lợi (tiêu chí số 3)

1. Nội dung đánh giá đạt chỉ tiêu 3.1

Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tối thiểu 80%.

2. Điều kiện đánh giá chỉ tiêu 3.1

Đối với những vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, vùng cánh đồng lớn, vùng canh tác sản xuất ổn định có công trình thủy lợi (tất cả các loại công trình để phục vụ thủy lợi) phải đạt tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tối thiểu 80%.

Điều 5. Tiêu chí Cơ sở vật chất văn hóa (tiêu chí số 6)

1. Nội dung đánh giá đạt chỉ tiêu 6.1 và chỉ tiêu 6.2

a) Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã đạt theo quy định.

b) Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi đạt theo quy định.

2. Điều kiện đánh giá đạt chỉ tiêu 6.1 và chỉ tiêu 6.2

a) Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã:

Nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phải đạt chuẩn theo quy định tại Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm văn hóa-thể thao xã; Thông tư số 05/2014/TT-BVHTTDL ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung Điều 6 của Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm văn hóa-thể thao xã và Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2011 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Nhà văn hóa-khu thể thao thôn.

b) Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định

Trung tâm văn hóa-thể thao xã là thiết chế cộng đồng, là nơi sinh hoạt chung cho mọi người dân đến tham gia (kể cả trẻ em và người cao tuổi). Do vậy, Trung tâm

văn hóa-thể thao xã cũng là điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi. Các địa phương cần trang bị một số trang thiết bị tối thiểu để phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí cho trẻ em, người cao tuổi. Hàng năm, Trung tâm văn hóa-thể thao xã dành tối thiểu 30% thời gian sử dụng để tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí cho trẻ em.

Những xã có điều kiện xây dựng mới điểm vui chơi, giải trí riêng biệt cho trẻ em, người cao tuổi thì triển khai thực hiện phù hợp với tình hình thực tế và đặc điểm của xã.

Điều 6. Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (tiêu chí số 7)

1. Nội dung đánh giá đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa đạt theo quy định.

2. Điều kiện đánh giá đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

Xã có chợ nông thôn trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc siêu thị mini hoặc cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp đạt chuẩn theo quy định tại Quyết định số 4800/QĐ-BCT ngày 08/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện và xét công nhận Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

Xã không có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong quy hoạch hoặc xã có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng do nhu cầu thực tế chưa cần đầu tư xây dựng thì không xem xét, đánh giá tiêu chí này.

Điều 7. Tiêu chí Thông tin và Truyền thông (tiêu chí số 8)

1. Nội dung đánh giá đạt tiêu chí Thông tin và Truyền thông

a) Xã có điểm phục vụ bưu chính: Đạt theo quy định

b) Xã có dịch vụ viễn thông, internet

Nhóm các xã thuộc khu vực I, II, III theo Quyết định 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020 và xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển: Có tối thiểu 2/3 số thôn có hạ tầng kỹ thuật viễn thông đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ truy nhập internet, dịch vụ điện thoại và đảm bảo yêu cầu chuẩn kỹ thuật quốc gia do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Nhóm xã còn lại: Có 100% số thôn có hạ tầng kỹ thuật viễn thông đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ truy nhập internet, dịch vụ điện thoại và đảm bảo yêu cầu chuẩn kỹ thuật quốc gia do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

c) Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn

Nhóm xã thuộc khu vực I, II, III và xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển: Tối thiểu 2/3 số thôn có hệ thống loa hoạt động.

Nhóm xã vùng còn lại: Có 100% số thôn có hệ thống loa hoạt động.

d) Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.

2. Điều kiện đánh giá đạt tiêu chí Thông tin và Truyền thông

a) Xã có điểm phục vụ bưu chính đạt theo quy định

Xã có điểm phục vụ bưu chính là xã có ít nhất 01 điểm phục vụ bưu chính đáp ứng các điều kiện sau:

Cơ sở vật chất: Có mặt bằng trang thiết bị phù hợp với hình thức tổ chức cung ứng và nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính tại địa phương; có treo biển tên điểm phục vụ; niêm yết giờ đóng mở cửa phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại điểm phục vụ; thời gian mở cửa phục vụ phải đảm bảo tối thiểu 4 giờ/ngày làm việc.

Dịch vụ: Tại điểm phục vụ, đảm bảo cung cấp các dịch vụ: Thư có địa chỉ nhận, khối lượng đơn chiếc đến 02kg; cung cấp các dịch vụ gói, kiện hàng hóa có khối lượng đơn chiếc đến 05kg.

b) Xã có dịch vụ viễn thông, internet đạt theo quy định.

Dịch vụ viễn thông, internet đạt theo quy định khi đáp ứng nhu cầu sử dụng ít nhất một trong hai loại dịch vụ điện thoại (dịch vụ điện thoại cố định mặt đất, dịch vụ thông tin di động mặt đất) và ít nhất một trong hai loại dịch vụ truy nhập internet (dịch vụ truy nhập internet băng rộng cố định mặt đất, dịch vụ truy nhập internet trên mạng viễn thông di động mặt đất).

Trường hợp chưa đáp ứng điều kiện về dịch vụ viễn thông, internet theo quy định thì trên địa bàn xã phải có ít nhất 01 điểm phục vụ dịch vụ viễn thông công cộng đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ điện thoại và dịch vụ truy nhập internet.

Dịch vụ viễn thông, internet trên địa bàn xã phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

c) Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn đạt theo quy định.

Có đài truyền thanh hữu tuyến hoặc vô tuyến được thiết lập đáp ứng các quy định về thiết bị truyền thanh, phát xạ vô tuyến điện, tương thích điện từ và sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền ban hành và có hệ thống loa hoạt động theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 7 của Quy định này.

d) Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành đạt theo quy định là xã đáp ứng các điều kiện sau:

Về cơ sở vật chất: Xã có máy vi tính phục vụ công tác của cán bộ, công chức, với hệ số máy vi tính/số cán bộ, công chức của xã đạt tối thiểu là 0,3.

Cơ quan Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, UBND xã có máy vi tính kết nối mạng Internet băng rộng.

Về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành:

Xã có sử dụng ít nhất một trong các phần mềm ứng dụng sau: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thư điện tử chính thức của cơ quan nhà nước; Hệ thống một cửa điện tử; Cổng/trang thông tin điện tử (có chức năng phục vụ công tác quản lý, điều hành hoặc cung cấp dịch vụ công trực tuyến tối thiểu mức độ 2 của xã).

Điều 8. Tiêu chí Hình thức tổ chức sản xuất (tiêu chí số 13)

1. Nội dung đánh giá đạt chỉ tiêu 13.1

Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 đạt theo quy định.

2. Điều kiện đánh giá đạt chỉ tiêu 13.1 khi có ít nhất 01 Hợp tác xã đạt các yêu cầu sau:

a) Tổ chức, hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012.

b) Có ít nhất 01 loại dịch vụ cơ bản, thiết yếu theo đặc điểm từng vùng phục vụ thành viên Hợp tác xã.

c) Kinh doanh có lãi liên tục trong 02 năm tài chính gần nhất (hoặc 01 năm tài chính gần nhất đối với Hợp tác xã mới thành lập chưa quá 3 năm).

d) Quy mô thành viên hợp tác xã: Có ít nhất từ 07 thành viên trở lên.

e) Tham gia vào chuỗi giá trị gắn với sản phẩm chủ lực.

Điều 9. Tiêu chí Môi trường và an toàn thực phẩm (tiêu chí số 17)

1. Nội dung đánh giá đạt chỉ tiêu 17.4

Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch đạt theo quy định.

2. Điều kiện đánh giá đạt chỉ tiêu 17.4

a) Có nghĩa trang nhân dân nằm trong quy hoạch nông thôn mới của xã được UBND huyện phê duyệt và phù hợp với đồ án điều chỉnh quy hoạch quản lý chất thải rắn và nghĩa trang trên địa bàn tỉnh Phú Yên được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1949/QĐ-UBND ngày 02/12/2014 (diện tích tối thiểu nghĩa trang quy hoạch là 0,1ha).

b) Có quy chế quản lý nghĩa trang (thực hiện theo Điều 17 Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng).

c) Việc mai táng phải phù hợp với tín ngưỡng, phong tục, tập quán tốt, truyền thống văn hóa và nếp sống văn minh hiện đại của địa phương.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng các sở, ban ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao; căn cứ văn bản hướng dẫn của các bộ ngành liên quan để hướng dẫn, chỉ đạo, thẩm tra, kiểm tra, giúp đỡ các địa phương thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí nông thôn mới liên quan đến ngành được quy định tại Quyết định này.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cơ quan Thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh) thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện vướng mắc, phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, báo cáo đề xuất UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh chỉ đạo, xử lý.

3. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, chỉ đạo triển khai thực hiện các quy định tại Quyết định này.

Điều 11. Điều khoản thi hành

Yêu cầu các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện nghiêm túc việc tổ chức triển khai thực hiện quy định này. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu gặp

khó khăn, vướng mắc báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp) để xem xét, điều chỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Hữu Thế